

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Danh mục các công trình, dự án
cần thu hồi đất trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

*Căn cứ Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Đất đai được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác thực tại Văn bản hợp
nhất số 04/VBHN-BTNMT ngày 04 tháng 5 năm 2021;*

*Xét Tờ trình số 5149/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Danh mục các
công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;
báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:

Tổng số 66 công trình, dự án, với tổng diện tích đất 424,02 ha; tổng nhu cầu vốn để giải phóng mặt bằng khoảng là 3.833.324 triệu đồng; cụ thể như sau:

1. Đăng ký mới: có 31 công trình, dự án với quy mô diện tích khoảng 51,27 ha, tổng nhu cầu vốn để giải phóng mặt bằng khoảng 446.837 triệu đồng.

2. Đăng ký chuyển tiếp: có 26 công trình, dự án với quy mô diện tích khoảng 304,05 ha, tổng nhu cầu vốn để giải phóng mặt bằng khoảng 2.325.661 triệu đồng.

3. Đăng ký chuyển tiếp điều chỉnh: có 09 công trình, dự án với quy mô diện tích khoảng 68,7 ha, tổng nhu cầu vốn để giải phóng mặt bằng khoảng 1.060.826 triệu đồng.

(Đính kèm Phụ lục)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp 7, thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022./. *KW*

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: TN và MT, KH và ĐT, TC;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: TN và MT, KH và ĐT, Tài chính, KBNN, Cục Thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Hội đồng PBGDPL - Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái



Phụ lục I

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH
(THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI - TỪ 10 ha ĐẤT TRỒNG LÚA, 20 ha ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ TRỞ LÊN)**

(Kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm thực hiện dự án (xác định đến xã.....huyện/thị xã/thành phố)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý (ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú
			Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
TỔNG CỘNG: 01 công trình, dự án (trong đó đăng ký chuyển tiếp 01 công trình, dự án)								
I	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TRÀ VINH : 01 công trình, dự án							
	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 01 công trình, dự án							
1	Cụm công nghiệp Sa Bình, thành phố Trà Vinh	32,58	325.800	NSNN	xã Long Đức, thành phố Trà Vinh	UBND TP	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 9/12/2021 của HDDND tỉnh Trà Vinh; Công văn số 1393/TTg-NN ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ cho chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (29,41 ha đất lúa)	

KV

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÁN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH
(THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI)**

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm thực hiện dự án (xác định đến xã...,huyện/thị xã/thành phố)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý (ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú
			Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
TỔNG CỘNG: 65 công trình, dự án (trong đó đăng ký mới 31 công trình, dự án; điều chỉnh 09 công trình, dự án; chuyển tiếp 25 công trình, dự án)		391,44	3.507.524					
I	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN: 58 công trình, dự án	254,71	933.924					
I.1	THÀNH PHỐ TRÀ VINH: 08 công trình, dự án (trong đó: 03 công trình, dự án đăng lý mới; 04 công trình, dự án chuyển tiếp; 01 công trình, dự án chuyển tiếp điều chỉnh)	63,26	110.645					
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 03 công trình, dự án	3,45	78.853					
1	Nâng cấp, mở rộng đường và HTTN đường Vũ Đình Liêu (đoạn còn lại)	1,29	35.653	NSNN	Xã Long Đức	UBND TP	QĐ số 508/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của UBND tỉnh	
2	Đường 19/5 nối dài, thành phố Trà Vinh	1,56	31.200	NSNN	Phường 1, 7	UBND TP	QĐ số 2465/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh	
3	Xây dựng hạ tầng và tái định cư Chợ Sóc Ruộng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh	0,60	12.000	NSNN	Xã Long Đức	BQLDA ĐTXD	Ý kiến của Thành ủy Trà Vinh tại Thông báo: số 32-TB/VP ngày 23/6/2022 và số 47-TB/VP ngày 11/10/2022 của VP Thành ủy TPTV.	Nhu cầu địa phương đăng ký bổ sung để đảm bảo chỉ tiêu nông thôn mới, nguồn vốn sẽ được bổ sung trong kỳ họp HĐND TPTV cuối năm 2022;
B	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 04 công trình, dự án	59,31	29.792					
1	Đường Trần Phú nối dài, thành phố Trà Vinh	2,26	29.592	NSNN	Phường 7	UBND TP	NQ số 08/NQ-HĐND ngày 10/6/2022, QĐ số 2399/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND tỉnh, QĐ số 2687/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh	
2	Đường giao thông và HTTN phường 7 và xã Long Đức	0,80	200	NSNN	Phường 7 và xã Long Đức	UBND TP	NQ số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; QĐ số 2506/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của UBND thành phố	
3	Dự án khu dân cư Long Đức thành phố Trà Vinh	7,25		DN	xã Long Đức	Thực hiện thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định; khi doanh nghiệp được lựa chọn thực hiện dự án sẽ ứng tiền để thực hiện GPMB	- Luật Đầu tư năm 2020 và điểm b, khoản 2, Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ, - NQ số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh	Làm cơ sở để bổ sung hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ.

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm thực hiện dự án (xác định đến xã.....huyện/thị xã/thành phố)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý (ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú
			Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
4	Khu đô thị Tây Nam Phường 7, thành phố Trà Vinh	49,00		DN	Phường 7, thành phố Trà Vinh	Thực hiện thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định; khi doanh nghiệp được lựa chọn thực hiện dự án sẽ ứng tiền để thực hiện GPMB	- Luật Đầu tư năm 2020 và điểm b, khoản 2, Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ; K18 Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh.	Làm cơ sở để bổ sung hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ.
C	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp, điều chỉnh: 01 công trình, dự án	0,50	2.000					
1	Đường dẫn sinh cấp Bệnh viện Trà Vinh	0,50	2.000	NSNN	Phường 7	BQLDABTXD TPTV	NQ số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của CT UBND TPTV.	Điều chỉnh STT4, điểm B, mục 1.1, Phụ lục II NQ43/NQ-HĐND (điều chỉnh tên dự án từ "Đường dẫn sinh kết nối đường thoát hiểm Bệnh viện Trà Vinh" thành "Đường dẫn sinh cấp Bệnh viện Trà Vinh", điều chỉnh diện tích thu hồi đất từ "0,5ha" thành "0,05ha"; điều chỉnh mức vốn GPMB từ "15 000 triệu đồng" thành "2.000 triệu đồng"); lý do: theo Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của CT UBND TPTV.
I.2	HUYỆN DUYÊN HẢI: 04 công trình, dự án (trong đó: có 02 công trình, dự án đăng ký mới; 02 công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp)	1,40	9.142					
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 02 công trình, dự án	0,80	8.637					
1	Mở rộng Trường THCS Đôn Châu	0,61	600	NSNN	Xã Đôn Châu	Phòng GD-ĐT	NQ số 11/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND huyện	
2	Cầu Động Cao xã Đông Hải	0,19	8.037	NSNN	Xã Đông Hải	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Duyên Hải	Quyết định số 6349/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Duyên Hải	Công trình NTM, cam kết triển khai trong năm 2023.
B	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 02 công trình, dự án	0,60	505					
1	Chợ xã Long Khánh	0,20	505	NSNN	Xã Long Khánh	UBND huyện	NQ số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh	cam kết triển khai năm 2023
2	Nhà máy Điện gió Đông Thành 1 (V1-7), Đông Thành 2 (V3-4)	0,4		DN	Xã Đông Hải	Doanh nghiệp	NQ số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; Chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh tại Công văn: số 413/UBND-NK ngày 26/2/2021 và số 1377/UBND-KT ngày 15/4/2021	- Tổng diện tích thực hiện DA 5,9ha (trong đó, đất do nhà nước quản lý 5,5ha và đất phải thu hồi để thực hiện DA là 0,4ha đất rừng phòng hộ, hiện trạng là đất trống, không có cây rừng); - DA Nhà máy Điện gió Đông Thành 1, Đông Thành 2 do một nhà đầu tư thực hiện, sử dụng chung trạm biến áp, đường dây cáp ngầm, đường vào trạm.
I.3	HUYỆN CẢNG LONG: 07 công trình, dự án (trong đó: 04 công trình, dự án đăng ký mới; 03 công trình, dự án chuyển tiếp)	52,14	243.042					
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 04 công trình, dự án	12,83	85.042					
1	Cầu đĩnh đôi	0,41	180	NSNN	Xã Nhị Long Phú	Sở GTVT	Ý kiến của Lãnh đạo UBND tỉnh Vĩnh Long về xây dựng giao thông trên địa bàn tiếp giáp tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Trà Vinh tại Công văn số 5349/UBND-KTNV ngày 14/9/2022	

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH
(THEO KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI)

(Kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm thực hiện dự án (xác định đến xã.....huyện/thị xã/thành phố)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý (ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú
			Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
TỔNG CỘNG: 65 công trình, dự án (trong đó đăng ký mới 31 công trình, dự án; điều chỉnh 09 công trình, dự án; chuyển tiếp 25 công trình, dự án)		391,44	3.507.524					
I	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN: 58 công trình, dự án	254,71	933.924					
I.1	THÀNH PHỐ TRÀ VINH: 08 công trình, dự án (trong đó: 03 công trình, dự án đăng lý mới; 04 công trình, dự án chuyển tiếp; 01 công trình, dự án chuyển tiếp điều chỉnh)	63,26	110.645					
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 03 công trình, dự án	3,45	78.853					
1	Nâng cấp, mở rộng đường và HTTN đường Vũ Đình Liệt (đoạn còn lại)	1,29	35.653	NSNN	Xã Long Đức	UBND TP	QĐ số 508/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của UBND tỉnh	
2	Đường 19/5 nối dài, thành phố Trà Vinh	1,56	31.200	NSNN	Phường 1, 7	UBND TP	QĐ số 2465/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh	
3	Xây dựng hạ tầng và tái định cư Chợ Sóc Ruộng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh	0,60	12.000	NSNN	Xã Long Đức	BQLDA ĐTXD	Ý kiến của Thành ủy Trà Vinh tại Thông báo: số 32-TB/VP ngày 23/6/2022 và số 47-TB/VP ngày 11/10/2022 của VP Thành ủy TPTV,	Nhu cầu địa phương đăng ký bổ sung để đảm bảo chỉ tiêu nông thôn mới, nguồn vốn sẽ được bổ sung trong kỳ họp HĐND TPTV cuối năm 2022;
B	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 04 công trình, dự án	59,31	29.792					
1	Đường Trần Phú nối dài, thành phố Trà Vinh	2,26	29.592	NSNN	Phường 7	UBND TP	NQ số 08/NQ-HĐND ngày 10/6/2022; QĐ số 2399/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND tỉnh; QĐ số 2687/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh	
2	Đường giao thông và HTTN phường 7 và xã Long Đức	0,80	200	NSNN	Phường 7 và xã Long Đức	UBND TP	NQ số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2020, QĐ số 2506/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của UBND thành phố	
3	Dự án khu dân cư Long Đức thành phố Trà Vinh	7,25		DN	xã Long Đức	Thực hiện thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định; khi doanh nghiệp được lựa chọn thực hiện dự án sẽ ứng tiền để thực hiện GPMB	- Luật Đầu tư năm 2020 và điểm b, khoản 2, Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ; - NQ số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh	Làm cơ sở để bổ sung hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ.

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm thực hiện dự án (xác định đến xã/..., huyện/thị xã/thành phố)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý (ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú
			Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
4	Khu đô thị Tây Nam Phường 7, thành phố Trà Vinh	49,00		DN	Phường 7, thành phố Trà Vinh	Thực hiện thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định; khi doanh nghiệp được lựa chọn thực hiện dự án sẽ ứng tiền để thực hiện GPMB	- Luật Đầu tư năm 2020 và điểm b, khoản 2, Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ; K18 Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh.	Làm cơ sở để bổ sung hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ.
C	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp, điều chỉnh: 01 công trình, dự án	0,50	2.000					
1	Đường dẫn sinh cấp Bệnh viện Trà Vinh	0,50	2.000	NSNN	Phường 7	BQLDAĐTXD TPTV	NQ số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của CT UBND TPTV.	Điều chỉnh STT4, điểm B, mục 1.1, Phụ lục II NQ43/NQ-HĐND (điều chỉnh tên dự án từ "Đường dẫn sinh kết nối đường thoát hiểm Bệnh viện Trà Vinh" thành "Đường dẫn sinh cấp Bệnh viện Trà Vinh", điều chỉnh diện tích thu hồi đất từ "0,5ha" thành "0,05ha", điều chỉnh mức vốn GPMB từ "15.000 triệu đồng" thành "2.000 triệu đồng"); lý do: theo Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của CT UBND TPTV;
I.2	HUYỆN DUYÊN HẢI: 04 công trình, dự án (trong đó: có 02 công trình, dự án đăng ký mới; 02 công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp)	1,40	9.142					
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 02 công trình, dự án	0,80	8.637					
1	Mở rộng Trường THCS Đồn Châu	0,61	600	NSNN	Xã Đồn Châu	Phòng GD-ĐT	NQ số 11/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND huyện	
2	Cầu Động Cao xã Đông Hải	0,19	8.037	NSNN	Xã Đông Hải	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Duyên Hải	Quyết định số 6349/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Duyên Hải	Công trình NTM, cam kết triển khai trong năm 2023;
B	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 02 công trình, dự án	0,60	505					
1	Chợ xã Long Khánh	0,20	505	NSNN	Xã Long Khánh	UBND huyện	NQ số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh	cam kết triển khai năm 2023
2	Nhà máy Điện gió Đồng Thành 1 (V1-7), Đồng Thành 2 (V3-4)	0,4		DN	Xã Đông Hải	Doanh nghiệp	NQ số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; Chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh tại Công văn số 413/UBND-NK ngày 26/2/2021 và số 1377/UBND-KT ngày 15/4/2021	- Tổng diện tích thực hiện DA 5,9ha (trong đó, đất do nhà nước quản lý 5,5ha và đất phải thu hồi để thực hiện DA là 0,4ha đất rừng phòng hộ, hiện trạng là đất trống, không có cây rừng); - DA Nhà máy Điện gió Đồng Thành 1, Đồng Thành 2 do một nhà đầu tư thực hiện, sử dụng chung trạm biến áp, đường dây cấp ngầm, đường vào trạm.
I.3	HUYỆN CẢNG LONG: 07 công trình, dự án (trong đó: 04 công trình, dự án đăng ký mới; 03 công trình, dự án chuyển tiếp)	52,14	243.042					
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 04 công trình, dự án	12,83	85.042					
1	Cầu đĩnh đôi	0,41	180	NSNN	Xã Nhị Long Phú	Sở GTVT	Ý kiến của Lãnh đạo UBND tỉnh Vĩnh Long về xây dựng giao thông trên địa bàn tiếp giáp tỉnh Vĩnh Long và Tỉnh Trà Vinh tại Công văn số 5349/UBND-KTNV ngày 14/9/2022	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm thực hiện dự án (xác định đến xã.....huyện/thị xã/thành phố)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý (ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú
			Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
2	Khu tái định cư Khu công nghiệp Cổ Chiên	8,10	70.500	NSNN	Xã Đại Phước	UBND huyện	Ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo UBND tỉnh tại Thông báo số 186/TB-VP ngày 12/9/2022 của VP UBND tỉnh	Công trình cấp bách phục vụ giải phóng mặt bằng khu công nghiệp Cổ Chiên;
3	Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn (trên địa bàn huyện Càng Long có 3 hạng mục), như sau: - Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước tập trung xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long; - Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước tập trung xã An Trường A, huyện Càng Long; - Xây dựng mới công trình cấp nước tập trung xã Huyền Hôi, huyện Càng Long.	4,00	7.062	NSNN	Huyện Càng Long	Bộ NN&PTNT	Quyết định số 3356/QĐ-BNN-KH ngày 26/7/2021 của Bộ NN&PTNT	
4	Xây dựng các cầu bắt qua sông trên địa bàn huyện Càng Long	0,32	7.300	NSNN	huyện Càng Long	UBND huyện	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của CT UBND tỉnh,	
B	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 03 công trình, dự án	39,31	158.000					
1	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn Càng Long, huyện Càng Long	33,27	150.000	NSNN	Thị trấn Càng Long	UBND huyện Càng Long	Quyết định số 2523/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 của CT UBND tỉnh. Nghị Quyết 26/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/7/2022; Nghị Quyết 28/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/7/2022,	
2	Xây dựng đường huyện 37 kéo dài từ đường huyện 4 xã Nhi Long Phú đến giáp đường huyện 1 xã Đức Mỹ, huyện Càng Long	5,04	3.000	NSNN	huyện Càng Long	BQL DABTXD các CTGT	Nghị Quyết 43/NQ-HĐND tỉnh ngày 09/12/2021; Nghị Quyết 26/NQ-HĐND tỉnh ngày 07/7/2022,	
3	Nghĩa trang nhân dân Cụm Nhi Long-Đại Phước	1,00	5.000	NSNN	Xã Nhi Long	UBND huyện Càng Long	Nghị Quyết 43/NQ-HĐND tỉnh ngày 09/12/2021; Thông báo số 186/TB-VP của VP UBND tỉnh về ý kiến kết luận của PCT UBND tỉnh; Công văn số 4761/UBND-NN ngày 18/10/2022 của CT UBND tỉnh.	
I.4	HUYỆN CẦU KÈ: 07 công trình, dự án (trong đó: 04 công trình, dự án đăng lý mới; 03 công trình, dự án chuyển tiếp)	26,38	37.364					
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 04 công trình, dự án	1,03	13.940					
1	Kè chống sạt lở khu vực thị trấn Cầu Kè	0,46	5.000	NSNN	Thị trấn Cầu Kè	UBND huyện	Nghị quyết số 30/NQ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND huyện Cầu Kè; QĐ số 917/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh;	
2	Xây dựng Cầu Bung Lớn, xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè	0,35	8.000	NSNN	Xã Tam Ngãi	BQLDA	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Trà Vinh	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm thực hiện dự án (xác định đến xã.....huyện/thị xã/thành phố)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý (ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú
			Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
3	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước sạch xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè	0,10	260	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trung tâm	Xã An Phú Tân	Trung tâm NS&VSMTNT	Dự án này được Lãnh đạo UBND tỉnh báo cáo xin ý kiến Bộ Tài chính tại Báo cáo số 222/BC-UBND ngày 29/7/2022 và chủ đầu tư cam kết sử dụng vốn từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trung tâm và thực hiện trong năm 2023 tại Công văn số 505/TTN ngày 04/11/2022	
4	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước sạch xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè	0,12	680	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trung tâm	Xã Hòa Tân	Trung tâm NS&VSMTNT	Dự án này được Lãnh đạo UBND tỉnh báo cáo xin ý kiến Bộ Tài chính tại Báo cáo số 222/BC-UBND ngày 29/7/2022 và chủ đầu tư cam kết sử dụng vốn từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trung tâm và thực hiện trong năm 2023 tại Công văn số 505/TTN ngày 04/11/2022	
B	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 03 công trình, dự án	25,35	23.424					
1	Đường vào cụm Công nghiệp An Phú Tân	0,80	8.424	NSNN	Xã An Phú Tân	UBND huyện	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của HĐND tỉnh; Quyết số 1528/QĐ-UBND ngày 02/8/2022 của UBND tỉnh	
2	Cải tạo, nâng cấp Đường huyện 50, huyện Cầu Kè	4,55	15.000	NSNN	Huyện Cầu Kè	BQLDA ĐTXD các CTGT	NQ số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 2853/QĐ-UBND ngày 7/12/2021 của UBND tỉnh	
3	Cụm công nghiệp An Phú Tân, huyện Cầu Kè	20,00		DN	Xã An Phú Tân	Doanh nghiệp	NQ số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 1882/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	
L5	HUYỆN CHÂU THÀNH: 06 công trình, dự án (trong đó: 04 công trình, dự án đăng ký mới; 02 công trình, dự án chuyển tiếp điều chỉnh)	16,49	165.970					
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 02 công trình, dự án	12,04	150.200					
1	Bồi thường, giải phóng mặt bằng Trường Mẫu giáo Hưng Mỹ, xã Hưng Mỹ	0,04	200	NSNN	Xã Hưng Mỹ	Phòng Giáo dục và Đào tạo	NQ số 10/NQ-HĐND ngày 15/5/2020 của HĐND huyện; Báo cáo số 89/BC-PGDĐT ngày 28/7/2022 của Phòng GDĐT huyện Châu Thành	
2	Trung tâm chính trị - hành chính thành phố Trà Vinh	12,00	150.000	NSNN	Xã Nguyệt Hóa	Ban QLDAĐTXD các CTDD và CN	NQ số 30/NQ-HĐND ngày 13/9/2021 của HĐND tỉnh (về vị trí, quy mô và tên công trình sẽ được điều chỉnh tại kỳ họp thứ 7 cuối năm 2022, Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X); Ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 1284-TB/VPTU ngày 27/9/2022 và số 268-TB/TU ngày 04/11/2022 Văn phòng Tỉnh ủy	- Tổng mức vốn đầu tư: 500.000 triệu đồng. - Kế hoạch đầu tư công (2021-2025): 150.000 triệu đồng. - Thời gian thực hiện (dự kiến): 2023 - 2026.
B	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp, điều chỉnh: 02 công trình, dự án	4,45	15.770					

9

KW

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm thực hiện dự án (xác định đến xã.....huyện/thị xã/thành phố)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý (ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú
			Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
1	Đường dẫn vào Nhà máy xử lý rác tỉnh Trà Vinh	0,35	9.270	NSNN	Xã Lương Hòa	Ban QLDAĐTĐ các CTGT	- NQ số 08/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của CT UBND tỉnh;	Điều chỉnh STT 1, điểm A, mục 1.4, Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của HĐND tỉnh (điều chỉnh tên: Từ "Sở GTVT" thành "Ban QLDAĐTĐ các CTGT"; điều chỉnh giảm mức vốn GPMB từ "9.460 triệu đồng" thành "9.270 triệu đồng"); theo QĐ số 1101/QĐ-UBND ngày 20/6/2022 của CT. UBND tỉnh;
2	Cải tạo, nâng cấp Đường huyện 15 (đoạn từ cầu Đa Hòa 1 đến Bãi Vàng), huyện Châu Thành	4,10	6.500	NSNN	Huyện Châu Thành	Ban QLDAĐTĐ các CTGT	- NQ số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 2547/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của UBND tỉnh	Điều chỉnh STT 1, mục 1.5, Phụ lục II Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh (điều chỉnh tên: Từ "Cải tạo, nâng cấp Đường huyện 15, huyện Châu Thành" thành "Cải tạo, nâng cấp Đường huyện 15 (đoạn từ cầu Đa Hòa 1 đến Bãi Vàng), huyện Châu Thành" theo QĐ số 2547/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của UBND tỉnh;
1.6	HUYỆN CẦU NGANG: 08 công trình, dự án (trong đó: 05 công trình, dự án đăng ký mới; 03 công trình, dự án chuyển tiếp điều chỉnh)	27,34	114.764					
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 05 công trình, dự án	1,37	6.510					
1	Đường trục chính nội đồng từ nhà ông Lâm Minh Triết (Bến Hạnh Mỹ) đến cống Lung Mít	0,30	1.350	NSNN	Xã Mỹ Long Bắc	UBND xã	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND huyện	
2	Đường trục chính nội đồng từ nhà ông Nguyễn Văn Sáu đến nhà ông Mai Văn Hậu (Bến Kinh)	0,12	500	NSNN	Xã Mỹ Long Bắc	UBND xã	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND huyện	
3	Đường trục chính nội đồng ấp Năng Nôm từ nhà ông Thạch Ngọc Xuân đến nhà ông Huỳnh Văn Xiết	0,35	2.880	NSNN	Xã Kim Hòa	UBND xã	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND huyện	
4	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước sạch xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang	0,30	780	Quý phát triển hoạt động sự nghiệp của Trung tâm	Xã Long Sơn	Trung tâm NS&VSMTNT	Dự án này được Lãnh đạo UBND tỉnh báo cáo xin ý kiến Bộ Tài chính tại Báo cáo số 222/BC-UBND ngày 29/7/2022 và chủ đầu tư cam kết sử dụng vốn từ Quý phát triển hoạt động sự nghiệp của Trung tâm và thực hiện trong năm 2023 tại Công văn số 505/TTN ngày 04/11/2022	
5	Trường THCS Hiệp Hòa	0,30	1.000	NSNN	Xã Hiệp Hòa	Ban QLDAĐTĐ KV huyện Cầu Ngang	Quyết định số 3047/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện Cầu Ngang	
B	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp, điều chỉnh: 03 công trình, dự án	25,97	108.254					
1	Khu dân cư Hiệp Mỹ Tây	9,50	38.000	NSNN	Xã Hiệp Mỹ Tây	UBND huyện	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND tỉnh ngày 09/12/2021; Công văn số 4286/UBND-KT ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện	Điều chỉnh STT 16, điểm B, mục 1.6, Phụ lục II Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh (điều chỉnh tên: Từ "Khu dân cư thương mại Hiệp Mỹ Tây" thành "Khu dân cư Hiệp Mỹ Tây" theo QĐ số 2547/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của UBND tỉnh;

KW

10

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm thực hiện dự án (xác định đến xã.....huyện/thị xã/thành phố)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý (ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú
			Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
2	Đầu tư nâng cấp, mở rộng hạ tầng thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang	6,12	46.254	NSNN	TT. Cầu Ngang	UBND huyện	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND tỉnh ngày 09/12/2021; Quyết định 2855/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh;	Điều chỉnh STT 23, điểm B, mục 1.6, Phụ lục II Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh (điều chỉnh giảm mức vốn từ "60.500 triệu đồng" thành "46.254 triệu đồng" theo Quyết định 2855/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh;
3	Hạ tầng phát triển du lịch cụm xã Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam, thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang	10,35	24.000	NSNN	Xã Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam, thị trấn Mỹ Long	BQLDA đầu tư xây dựng khu vực huyện Cầu Ngang	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND tỉnh ngày 09/12/2021; Quyết định 2440/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh	Điều chỉnh STT 1, điểm B, mục 1.6, Phụ lục II Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh (điều chỉnh tăng mức vốn từ "19.250 triệu đồng" thành "24.000 triệu đồng" theo Quyết định 2440/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh;
1.7	THỊ XÃ DUYÊN HẢI: 06 công trình, dự án (trong đó: 02 công trình, dự án đăng lý mới; 04 công trình, dự án chuyển tiếp)	30,17	59.356					
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 02 công trình, dự án	0,82	4.283					
1	Tu bổ, tôn tạo di tích Căn cứ Tỉnh ủy Trà Vinh (hạng mục đường vào)	0,42	1.883	NSNN	Dân Thành	SVHTTDL	Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh	
2	Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn - hạng mục Xây dựng mới công trình cấp nước tập trung xã Long Hữu, thị xã Duyên Hải	0,40	2.400	NSNN	Long Hữu	Bộ NN&PTNT	Quyết định số 3356/QĐ-BNN-KH ngày 26/7/2021 của Bộ NN&PTNT;	
B	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 05 công trình, dự án	29,35	55.073					
1	Dự án Hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản các xã Dân Thành, Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	26,33	18.200	NSNN	Xã Dân Thành, Trường Long Hòa	Ban QLDA ĐTXD các CTRNN và PTNT tỉnh Trà Vinh	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 07/07/2022 của HĐND tỉnh	Đang triển khai (đo đạc, kẻ biên, kiểm đếm).
2	Đường nhựa từ 30/4 đến trung tâm bồi dưỡng chính trị	0,06	1.800	NSNN	Phường 1	BQLDA đầu tư xây dựng khu vực TX Duyên Hải	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021; Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 16/7/2022 của Hội đồng nhân dân thị xã Duyên Hải	
3	Đầu tư, nâng cấp các tuyến đường trên địa bàn thị xã Duyên Hải đáp ứng tiêu chí đô thị loại IV	2,77	33.240	NSNN	Phường 2	UBND TXDH	Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 của UBND tỉnh; NQ số 08/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của HĐND tỉnh	Cần thiết triển khai thực hiện để đáp ứng tiêu chí đô thị loại IV. Thông tin về mức vốn được tổng hợp theo NQ số 08/NQ-HĐND ngày 10/6/2022 của HĐND tỉnh;
4	Đường khóm 2 nối dài	0,06	1.833	NSNN	Phường 1	BQLDA đầu tư xây dựng khu vực TX Duyên Hải	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh	Đang triển khai thực hiện;
5	Nhà máy Điện gió số 3 tại vị trí V1-3	0,13		DN	Trường Long Hòa	Doanh nghiệp	Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/04/2019 và Quyết định số 3750/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND tỉnh; Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 29/6/2021 của HĐND tỉnh	Chuyển tiếp từ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 29/6/2021 của HĐND tỉnh do còn 0,13ha chưa thực hiện thu hồi đất, do đó xin chuyển sang thực hiện thu hồi đất trong năm 2023

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm thực hiện dự án (xác định đến xã.....huyện/thị xã/thành phố)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý (ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú
			Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
1.8	HUYỆN TIỂU CẦN: 07 công trình, dự án (trong đó: 06 công trình, dự án đăng lý mới; 01 công trình, dự án đăng lý chuyển tiếp điều chỉnh)	23,36	171.925					
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 06 công trình, dự án	17,22	96.781					
1	Xây dựng 02 Cầu trên kênh Bà Liếp, thị trấn Tiểu Cần	0,13	5.097	NSNN	TT. Tiểu Cần	Ban QLDA ĐTXD huyện	NQ 17/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND huyện Tiểu Cần	
2	Đường giao thông ấp Chợ - Phụng Sa, xã Tân Hùng	1,34	4.434	NSNN	Xã Tân Hùng	Ban QLDA ĐTXD huyện	NQ 17/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND huyện Tiểu Cần	
3	Trường Tiểu học Tập Ngãi C (điểm áp Giồng Tranh)	0,13	500	NSNN	Xã Tập Ngãi	Ban QLDA ĐTXD huyện	NQ 17/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND huyện Tiểu Cần	
4	Cổng viên xã Tân Hùng	0,13	4.000	NSNN	Xã Tân Hùng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tiểu Cần	Quyết định số 1215/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của CT.UBND huyện Tiểu Cần	
5	Xây dựng mới và nâng cấp mở rộng các tuyến đường giao thông đáp ứng tiêu chí đô thị loại IV, huyện Tiểu Cần: - Đường nhựa ấp Đại Mong - Bà Ép, diện tích đất 3,06 ha - Đường nhựa ấp Chợ - Phụng Sa: diện tích 1,20 ha	4,26	20.850	NSNN	Huyện Tiểu Cần	UBND huyện	NQ số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh; QĐ số 3573/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của CT UBND tỉnh	
6	Hoàn thiện hạ tầng giao thông đô thị loại IV, huyện Tiểu Cần: - Đường cấp sông Tiểu Cần (từ cầu Tiểu Cần đến cầu khóm 2): diện tích đất thu hồi 0,99 ha. - Đường nhựa ấp Tân Đại, xã Hiếu Từ - diện tích thu hồi đất 2,58 ha. - Đường cấp sông Tiểu Cần (Từ cầu Tiểu Cần đến công ty lương thực cũ): diện tích đất thu hồi 0,86 ha. - Đường vành đai Khóm 6 (Từ Cầu Rach Lọp đến cầu Đại Sư) - diện tích đất thu hồi 2,10 ha. - Mở rộng đường Xóm Vò: diện tích đất thu hồi 0,95 ha. - Đường nhựa khóm 2, thị trấn Tiểu Cần (cấp Tòa án nhân dân huyện): diện tích đất thu hồi 0,45 ha - Đường ven sông Tiểu Cần (Đình thần - bãi rác cũ - Quốc lộ 60) - diện tích đất thu hồi 3,30 ha.	11,23	61.900	NSNN	Huyện Tiểu Cần	UBND huyện	NQ số 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh; QĐ số 3574/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của CT UBND tỉnh	
B	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp, điều chỉnh: 01 công trình, dự án	6,14	75.144					
1	Đường nối Quốc lộ 60 - Quốc lộ 54, huyện Tiểu Cần	6,14	75.144	NSNN	xã Phú Cần, xã Hiếu Trung	UBND huyện	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh, NQ số 26/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh, QĐ số 3913/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của CT UBND tỉnh; CV số 4960/UBND-NN ngày 01/11/2022 của CT UBND tỉnh.	Điều chỉnh STT 2, điểm A, mục I, Phụ lục I Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh (điều chỉnh giảm diện tích thu hồi đất: từ "14,3ha" thành "6,14ha"; điều chỉnh tăng mức vốn GPMB từ "57.800 triệu đồng" thành "75.144 triệu đồng" theo QĐ số 3913/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 và CV số 4960/UBND-NN ngày 01/11/2022 của CT UBND tỉnh;

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm thực hiện dự án (xác định đến xã.....huyện/thị xã/thành phố)	Chủ đầu tư	Căn cứ pháp lý (ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú
			Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
1.9	HUYỆN TRÀ CÚ: 06 công trình, dự án (trong đó: có 03 công trình, dự án đăng ký mới, 02 công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp, 01 công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp, điều chỉnh)	14,17	21.716					
A	Công trình, dự án đăng ký mới: 03 công trình, dự án	1,71	2.591					
1	Mở rộng bãi rác xã Long Hiệp	0,79	1.540	NSNN	Xã Long Hiệp	UBND huyện	Nhu cầu cấp thiết của huyện thực hiện dự án để đạt tiêu số 7 - Bộ tiêu chí nông thôn mới tại Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh.	
2	Công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn (trên địa bàn huyện Càng Long có 2 hạng mục), như sau: - Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước tập trung xã Phước Hưng; - Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước tập trung xã Hàm Tân, huyện Trà Cú	0,42	851	NSNN	Huyện Trà Cú	Bộ NN&PTNT	Quyết định số 3356/QĐ-BNN-KH ngày 26/7/2021 của Bộ NN&PTNT	
3	Nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước sạch xã Thanh Sơn, huyện Trà Cú	0,50	200	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trung tâm	xã Thanh Sơn	Trung tâm NS&VSMTNT	Dự án này được Lãnh đạo UBND tỉnh báo cáo xin ý kiến Bộ Tài chính tại Báo cáo số 222/BC-UBND ngày 29/7/2022 và chủ đầu tư cam kết sử dụng vốn từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trung tâm và thực hiện trong năm 2023 tại Công văn số 505/TTN ngày 04/11/2022	
B	Công trình, dự án đăng ký Chuyển tiếp: 02 công trình, dự án	11,78	15.000					
1	Nhà máy điện sinh khối Trà Vinh	11,10		DN	Xã Lưu Nghiệp Anh	Doanh nghiệp	NQ số 28/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh; QĐ số 1947/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 và QĐ số 2102/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh	Đã đang triển khai thực hiện và thu hồi đất trong năm 2023.
2	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú	0,68	15.000	NSNN	TT. Trà Cú, Kim Sơn	Ban QLDA ĐTXD các CTGT	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; Quyết định số 143/QĐ-BQLDA ngày 07/11/2022 của Ban Quản lý ĐABT XD các CTGT	Triển khai thực hiện trong năm 2023.
C	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp, điều chỉnh: 01 công trình, dự án	0,68	4.125					
1	Đường nhựa khóm 7 (từ đường 3 tháng 2 - đường tránh QL 53), thị trấn Trà Cú	0,68	4.125	NSNN	TT. Trà Cú, xã Ngải Xuyên	UBND huyện Trà Cú	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh, Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 01/7/2022 của UBND huyện	Điều chỉnh STT 2, điểm C, mục 1.9, Phụ lục II Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh (điều chỉnh tên Từ "Đường nhựa khóm 5 qua QL 53 (đường tránh)" thành "Đường nhựa khóm 7 (từ đường 3 tháng 2 - đường tránh QL 53)", điều chỉnh tăng diện tích thu hồi đất từ "0,48 ha" thành "0,68 ha", điều chỉnh tăng mức vốn từ "1.500 triệu đồng" thành "4.125 triệu đồng").
II	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN LIÊN HUYỆN: 07 công trình, dự án (trong đó: 06 Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp; 01 Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp, điều chỉnh)	136,73	2.573.600					

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích cần thu hồi (ha)	Nguồn vốn giải phóng mặt bằng		Địa điểm thực hiện dự án (xác định đến xã.....huyện/thị xã/thành phố)	Chủ đầu tư	Cơ sở pháp lý (ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)	Ghi chú
			Mức vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn				
A	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp: 06 công trình, dự án	105,77	1.718.067					
1	Nạo vét 18 tuyến kênh phục vụ sản xuất	9,68	39.862	NSNN	Các huyện: Càng Long, Châu Thành, Tiểu Cần, Cầu Ngang, Trà Cú, Duyên Hải, thị xã Duyên Hải	Sở NN&PTNT	NQ số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh; Công văn số 4222/UBND-CNXD ngày 19/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	
2	Xây dựng đường hành lang ven biển trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	73,65	1.571.300	NSNN	Các huyện: Cầu Ngang, Duyên Hải và TX. Duyên Hải	Sở GTVT	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 7/7/2022 của HĐND tỉnh	
3	Đường tỉnh 915B, giai đoạn 2, tỉnh Trà Vinh	19,99	106.905	NSNN	Châu Thành, Cầu Ngang và thị xã Duyên Hải	Sở GTVT	Nghị Quyết số 43/NQ-HĐND ngày 9/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 07/07/2022 của HĐND tỉnh	
4	Phân pha dây dẫn ĐD 110 kV Vũng Liêm - Trà Vinh 2	0,79		DN	Các huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh	Doanh nghiệp	NQ số 43/QĐ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh	Chủ đầu tư đăng ký nhu cầu thực hiện trong năm 2023;
5	Đường dây 110kV mạch 2 từ trạm 220 kV Trà Vinh 2 - trạm 110 kV Cầu Kè	1,38		DN	Các huyện: Châu Thành, Tiểu Cần, Càng Long và Cầu Kè	Doanh nghiệp	NQ số 43/QĐ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh	Chủ đầu tư đăng ký nhu cầu thực hiện trong năm 2023;
6	Cải tạo nâng tiết diện dây phân pha từ ACSR240 thành 2 ACSR240 từ Trà Vinh đi Duyên Hải (Duyên Trà)	0,28		DN	Các huyện: Cầu Ngang, Châu Thành và Duyên Hải	Doanh nghiệp	NQ số 43/QĐ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh	Chủ đầu tư đăng ký nhu cầu thực hiện trong năm 2023;
B	Công trình, dự án đăng ký chuyển tiếp, điều chỉnh: 01 công trình, dự án	30,96	855.533					
1	Ha tầng Hồ chứa nước ngọt dọc bờ sông Láng Thê đảm bảo an ninh nguồn nước các huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh (giai đoạn 1)	30,96	855.533	NSNN	Các huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh	Ban QLĐAĐTĐ các CTNN&PTNT	NQ số 28/QĐ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh; Thông báo số 1284-TB/VPTU 27/9/2022 của Văn phòng Tỉnh ủy Trà Vinh về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy Trà Vinh	Điều chỉnh STT 1, điểm A, mục 1.5, Phụ lục II Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh (điều chỉnh giảm diện tích thu hồi đất từ "48,29 ha" thành "30,96 ha"; điều chỉnh tăng mức vốn từ "786.400 triệu đồng" thành "855.533 triệu đồng" đúng theo hiện trạng thực tế triển khai);

KW

10/1